TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HSST
Ngày: 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Quyên.
+ Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng Diễm và ông Doãn Đức Hùng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh - Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đưa ra xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 212/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212A/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nùng Ngọc L (tên gọi khác: L, T, TH), sinh năm 1985 tại Đồng Nai. Trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Nùng. Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề Nghiệp: Làm thuê. Con ông Nùng Văn B (đã chết) và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1955; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Phan Ánh L nhưng không đăng ký kết hôn và có 01 con sinh năm 2010.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 27/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam về tội "trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 13/4/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 07/9/2018 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom. (Có mặt)

2. Mai Hoàng N, sinh ngày 1993 tại Cà Mau. ĐKHKTT: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Không ổn định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: phật. Trình độ học vấn: 5/12; Nghề Nghiệp: Làm thuê; Con ông Mai Minh H, sinh năm 1969 và bà Lê Thị L, sinh năm 1969; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim C (không đăng ký kết hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 12/9/2018 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom. (Có mặt)

3. Danh Ng, (tên gọi khác B) sinh năm 1993 tại Kiên Giang. ĐKHKTT: Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Không ổn định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ me. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Lớp 0/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Danh N, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958 Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Đỗ Hồng N, sinh năm 1994 (không đăng ký kết hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất, sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 29/9/2018 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Bom. (Có mặt).

2. ***Bị hại:***

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1975. HKTT: Số 73/60A, khu phố B, phường B, thị xã An, tỉnh Bình Dương.

+ Anh Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 2000. HKTT: Ấp M, xã H, huyện L, tỉnh B.

+ Anh Phạm Quỳnh M, sinh năm 2000. HKTT: Ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cư trú tại: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

3. ***Người làm chứng***: Anh Nguyễn Văn K.

(Anh T, anh K, anh M, anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nùng Ngọc L, Mai Hoàng N và Danh Ng là các đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Do muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng nên trong khoảng thời gian từ ngày 11/6 đến ngày 07/9/2018, L, N và Ng đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 21 giờ ngày 11/6/2018, Nùng Ngọc L điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) đến phòng trọ của Mai Hoàng N để rủ N đi trộm cắp tài sản thì được N đồng ý. Sau đó N điều khiển xe mô tô chở L đi trên các tuyến đường trong khu dân cư ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực trước xưởng sản xuất bao bì của anh Lê Văn T ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3 thì L phát hiện cổng nhà xưởng không khóa nên L nói N dừng xe lại đứng ngoài chờ để L vào tìm tài sản lấy trộm. Khi vào trong xưởng L phát hiện xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61D1-724.49 của anh T dựng phía trong xưởng, không khóa cổ xe và không có người trông coi nên L đẩy xe mô tô ra ngoài đường rồi cùng với N đẩy xe mô tô trộm cắp được đến khu vực đập Ngũ Phúc thuộc ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3 cất giấu. Sau đó N gọi điện thoại cho Danh Ng nói cho Ng biết vừa lấy trộm được xe và nhờ Ng tìm nơi tiêu thụ thì được Ng đồng ý. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Ng điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) chở đối tượng tên N1 (không rõ nhân thân, lai lịch) đến khu vực đập Ngũ Phúc gặp N và L. Tại đây, Ng nói N và L đem xe mô tô trộm cắp được đến bán cho Lê Minh T trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai thì L và N đồng ý. L ngồi trên xe mô tô biển số 61D1 – 724.49 và Danh Ng điều khiển xe mô tô hiệu Sirius đi bên cạnh dùng

chân đẩy xe mô tô biển số 61D1 – 724.49, còn N điều khiển xe mô tô hiệu Wave chở Nguyên cùng đi về nhà của Tiến. L và N bán xe mô tô biển số 61D1 – 724.49 cho Lê Minh T được 7.000.000 đồng, L chia cho N 3.000.000 đồng, số tiền bán xe có được L và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận: Xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61D1 – 724.49, xe đã qua sử dụng có trị giá là 56.695.000 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 24/6/2018, Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N tiếp tục rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. N điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) chở L đi trên các tuyến đường trong khu dân cư ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực trước xưởng mộc của anh Mai Đình K ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3 thì L và N phát hiện phía trước xưởng mộc có xe mô tô hiệu Sirius biển số 94E1 – 310.20 của anh Nguyễn Hoàng K1 – Sinh năm 2000, dựng trước xưởng mộc, sát đường đi và không có người trông coi nên L và N rủ nhau vào lấy trộm. Lúc này do xe của L hết xăng nên L nói N đẩy xe đi trước để L vào lấy trộm xe mô tô của anh K1. L đi bộ lại trước xưởng mộc lấy trộm xe mô tô biển số 94E1 – 310.20 dắt ra ngoài đường rồi giật đứt dây điện ở ổ khóa và đạp nổ máy xe chạy về khu vực vườn tràm phía sau phòng trọ của N. Tại đây L cùng N xé bỏ tem xe mô tô biển số 94E1 – 310.20 để tránh bị chủ xe phát hiện. Sau đó L và N đưa xe trộm cắp được đến bán cho Lê Minh T được 3.000.000 đồng nhưng Lê Minh T mới đưa cho L được 1.000.000 đồng. Số tiền trên L chia cho N và N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận: Xe mô tô hiệu Sirius biển số 94E1 – 310.20, xe đã qua sử dụng có trị giá là 21.150.000 đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/9/2018, Nùng Ngọc L cùng đối tượng tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch) rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. L và Thiện đi bộ đến khu vực xưởng mộc của ông Nguyễn Văn N ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom thì phát hiện tại khu vực nhà trọ của công nhân có anh Phạm Quỳnh M – Sinh năm 2000, đang nằm ngủ trong phòng và có để điện thoại di động hiệu Vivo V9 1727 cắm xạc phía cuối giường nên L và T1 nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của anh M. T1 dùng tay nâng cánh cửa bằng tôn để L đột nhập vào trong phòng lấy trộm điện thoại của anh M, cùng lúc này thì bị anh M phát hiện và tri hô nên L cầm điện thoại trên tay bỏ chạy ra ngoài và cùng với T1 chạy thoát được. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, anh M đến Công an xã Hố Nai 3 trình báo sự việc và thông qua định vị điện thoại phát hiện L đang ăn sáng tại quán bún "Thúy" ở ấp Đông Hải, xã Hố Nai 3 nên Công an xã Hố Nai 3 đã tiến hành kiểm tra và bắt giữ Nùng Ngọc L đồng thời thu giữ vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu Vivo V9 1727, số thuê bao 0969.267.247. Công an xã Hố Nai 3 đã chuyển giao đối tượng Nùng Ngọc L cùng toàn bộ vật chứng cho Công an huyện Trảng Bom để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 13/9/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc UBND huyện Trảng Bom kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Vivo V9 1727 đã qua sử dụng có trị giá là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngày 15/9/2018, 21/9/2018 và 01/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N về tội "Trộm cắp tài sản", khởi tố bị can đối với Danh Ng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" để điều tra. Quá trình điều tra các bị can L, N và Ng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Vivo V9 1727, số thuê bao 0969.267.247.

- Xử lý vật chứng: Ngày 15/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trảng Bom đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động hiệu Vivo V9 1727, số thuê bao 0969.267.247 cho chủ sở hữu. Anh Phạm Quỳnh M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội do bị cáo mượn của đối tượng tên P (không rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Xe mô tô hiệu Sirius (không rõ biển số) bị cáo Ng sử dụng làm phương tiện phạm tội do Lê Minh T đưa cho bị cáo sử dụng nhưng Lê Minh T khai không biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

02 xe mô tô biển số 61D1 – 724.49 và 94E1 – 310.20 các bị cáo khai nhận đã bán cho Lê Minh T, tuy nhiên Lê Minh T không thừa nhận và Cơ quan điều tra đã ra thông báo tìm kiếm nhưng chưa thu hồi được.

Điện thoại di động các bị cáo L, N và Ng sử dụng để liên lạc phạm tội các bị cáo đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về dân sự: Do không thu hồi được xe mô tô nên anh Lê Văn T và anh Nguyễn Hoàng K1 yêu cầu các bị cáo Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N phải bồi thường giá trị xe mô tô mà các bị cáo đã lấy trộm.

Áp dụng Điều 30 BLTTHS, Điều 48 BLHS đề nghị Tòa án tuyên buộc các bị cáo Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N phải liên đới bồi thường cho anh Lê Văn Tám số tiền 56.695.000 đồng và anh Nguyễn Hoàng K1 số tiền 21.150.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT/VKS-HS ngày 19/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Nùng Ngọc L, Mai Hoàng N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Danh Ng phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Trảng Bom giữ nguyên quan điểm truy tố cũng như phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nùng Ngọc L, Mai Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản điểm c khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g, h khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt các bị cáo: Nùng Ngọc L từ 05 đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào khoản điểm c khoản 2 điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g, h khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt các bị cáo:

Mai Hoàng N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt các bị cáo:

Danh Ng từ 12 đến 14 tháng tù.

Về dân sự:

Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Văn T, cụ thể: Bị cáo Nùng Ngọc L phải bồi thường cho anh Lê Văn T 28.345.500 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng K1 số tiền 10.575.000 đồng; bị cáo Mai Hoàng N phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lê Văn T 28.345.500 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng K1 số tiền 10.575.000 đồng;

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng. Qua đó, đã có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 11/6 đến ngày 24/6/2018 tại xưởng sản xuất bao bì của anh Lê Văn T và xưởng mộc của anh Mai Đình K ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N đã có hành vi lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 61D1 – 724.49 của anh Lê Văn T có trị giá là 56.695.000 đồng và xe mô tô biển số 94E1 – 310.20 của anh Nguyễn Hoàng K1 có trị giá là 21.150.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/9/2018 tại khu vực xưởng mộc của ông Nguyễn Văn N ở ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Nùng Ngọc L cùng đối tượng tên Thiện (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Vivo V9 1727 của chị Phạm Quỳnh M có trị giá là 5.000.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Nùng Ngọc L đã chiếm đoạt được là 82.845.000 đồng và tổng trị giá tài sản mà Mai Hoàng N đã chiếm đoạt được là 77.845.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời chỉ trong thời gian ngắn bị cáo Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn huyện Trảng Bom, bị cáo L có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do đó bị cáo L bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" và "tái phạm", được quy định tại các điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự bị cáo N bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại các điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự;

Danh Ng mặc dù biết rõ xe mô tô biển số 61D1 - 724.49 là do Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N trộm cắp của người khác mà có nhưng Ng vẫn đồng ý giúp L và N đem tài sản trộm cắp được đến bán cho Lê Minh T.

Hành vi nêu trên của Danh Ng đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội 01 thời gian để để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống tuân thủ pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này tuy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức đồng phạm giản đơn. Bị cáo L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, trị giá tài sản bị cáo L chiếm đoạt cao hơn bị cáo N do vậy cần có mức hình phạt cho bị cáo L cao hơn bị cáo N. Bị cáo N tuy bị rủ rê nhưng cũng tham gia tích cực nên cần có mức hình phạt tương xứng cho bị cáo.

[2] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: bị cáo L là người có nhân thân xấu, các bị cáo N, Ng là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo L, N, Ng khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo Ng không có tình tiết tăng nặng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo L và bị cáo N. Bị cáo Ng được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về dân sự: Anh Lê Văn T và anh Nguyễn Hoàng K1 yêu cầu các bị cáo Nùng Ngọc L, Mai Hoàng N phải bồi thường trị giá chiếc xe mô tô biển số 61D1 – 724.49 và xe mô tô biển số 94E1 – 310.20 theo kết quả của hội đồng định giá.

Tại phiên tòa các bị cáo L và N đồng ý liên đới bồi thường cho anh Lê Văn T và anh K1. Cụ thể bị cáo L và bị cáo N mỗi bị cáo đồng ý bồi thường trị giá ½ chiếc xe mô tô biển số biển số 61D1 – 724.49 với số tiền 28.345.500 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng K1 trị giá ½ chiếc xe mô tô biển số 94E1 – 310.20 với số tiền 10.575.000 đồng;

Các đối tượng tên T1, N, P do chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với Lê Minh T, quá trình điều tra Lê Minh T không thừa nhận đã mua 02 xe mô tô của L và N nên Cơ quan điều tra quyết định tách ra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[4] Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Xét tính hợp pháp của các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nùng Ngọc L, Mai Hoàng N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Danh Ng phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

1. Căn cứ vào: điểm c, khoản 2 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51; các điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nùng Ngọc L **05** (năm) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo bị tạm giữ ngày 07/9/2018.

Căn cứ vào: điểm c, khoản 2 Điều 173; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Mai Hoàng N **04** (bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 12/9/2018.

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 323; Điều 50; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh Ng **01** (một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 1 khoản 2 Điều 468, điều 587 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nùng Ngọc L có nghĩa vụ bồi thường anh Lê Văn T số tiền 28.345.500 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng K1 số tiền 10.575.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

Buộc bị cáo Mai Hoàng N có nghĩa vụ bồi thường anh Lê Văn T số tiền 28.345.500 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Hoàng K1 số tiền 10.575.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

Kể từ khi anh Lê Văn T, anh K1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu các bị cáo L, N chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nùng Ngọc L và Mai Hoàng N mỗi bị cáo phải chịu 1.946.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mơi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Danh Ng phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh; VKS tỉnh
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Quyên